

**TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST – HNGĐ ngày 04/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Thượng Thọ, xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Thượng Thọ, xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2013 tại UBND xã Đ, huyện S trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình ngày càng không hợp, thường xuyên xảy ra xung đột, quan điểm sống dần khác biệt, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 16/02/2015, hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Sau khi ly hôn, chị T

yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Ý kiến của anh Nguyễn Hữu T:

- Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S. Vợ chồng chung sống được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, hay cãi chửi nhau. Vợ chồng ly thân được khoảng 3 - 4 năm, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn chị T.

- Về con: Vợ chồng có 01 con chung. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

- Về tài sản: Anh và chị T không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2019, ý kiến của trưởng thôn Thượng Thọ, xã Đ cho biết: Trong quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T đã nảy sinh mâu thuẫn từ lâu vì lý do anh T không tu chí làm ăn, vun đắp xây dựng gia đình. Nhìn chung cả hai vợ chồng đều không có động cơ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng ra tòa xin ly hôn là điều không thể tránh khỏi. Về con: Chị T và anh T có 01 con chung, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm của chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Nga Sơn.

Ngày 08/8/2019, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng chị T và anh T đều vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt, anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Hữu T đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2013 tại UBND xã Đ, huyện S trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình ngày càng không hợp, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, quan điểm sống dần khác biệt, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 16/02/2015. Kể từ khi chị T và anh T sống ly thân, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Hơn nữa, quan điểm của anh T sau khi ly hôn cũng là giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật. Chấp nhận đề nghị của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị T. Cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

* Về con: Giao cháu Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 16/02/2015 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

* Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005063 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Đ, huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu